| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NGÃ NĂM**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số**:** 33/2021/HNGĐ-ST<br>Ngày**:** 11-10-2021<br>V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hồng

Ông Nguyễn Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần H, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Trần T, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm O, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2021 nguyên đơn chị Trần H trình bày:*

Chị Trần H và anh Trần T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn cải vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh T đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân

không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không ai biết. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần T.

Về con chung thì giữa chị và anh T có 01 người con chung tên Trần G, sinh ngày 12/10/2020 hiện nay đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu G và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung thì chị H trình bày không có, cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H có yêu cầu Tòa án xin vắng mặt với lý do dịch bệnh di chuyển khó khăn.

*2/ Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 20/9/2021, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/9/2021, bị đơn anh Trần T trình bày:*

Anh T và chị H có quen nhau trước sau đó mới tiến tới hôn nhân, vợ chồng anh kết hôn vào ngày 23/9/2019 là đúng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng anh có một con chung tên Trần G, sinh ngày 12/10/2020 hiện nay đang sống chung với chị H. Vợ chồng anh đã ly thân với nhau khoảng 06 tháng trước, lý do là vợ chồng anh cãi nhau rồi vợ anh ẩm con về nhà cha mẹ vợ ở đến nay, rồi có nhiều xích mít nhỏ nên vợ anh nộp đơn ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Còn về con chung thì anh đồng ý cho vợ anh nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng phải dành quyền cho anh được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con cho anh. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng thì anh không có yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh yêu cầu xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử, yêu cầu chị H phải chịu án phí khi xét xử.

*3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn xin vắng mặt khi xét xử nên chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H ly hôn với anh T. Về con chung giao cháu G cho chị H nuôi dưỡng. Về Nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu G thì chị H không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần H và bị đơn anh Trần T đều vắng mặt nhưng đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/9/2019 chị H và anh T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày. Cho nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng của anh chị, chị H cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cải vã, bất đồng quan điểm sống, chị và anh T không còn tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị quyết định ly hôn với anh T. Còn anh T có ý kiến trong cuộc sống vợ chồng anh có cải nhau rồi vợ ẩm con về nhà cha mẹ vợ ở nên vợ chồng đã ly thân đến nay cũng hơn 06 tháng, có một số xích mích nhỏ chứ không lớn nhưng vợ anh yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị H và anh T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, thể hiện chị H và anh T đã sống ly thân với nhau hơn 06 tháng nay mà không thể hàn gắn được, hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: chị Trần H và anh Trần T có một con chung là cháu Trần G, sinh ngày 12/10/2020. Sau khi chị H và anh T ly thân với nhau thì cháu G sống chung với mẹ, chị H yêu cầu được nuôi con, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H nuôi. Xét thấy, cháu G hiện nay chỉ mới vừa trong 12 tháng tuổi, đang được mẹ ruột nuôi dưỡng, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu G được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng và đúng tinh thần quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử quyết định giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Trần T không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần H được ly hôn với anh Trần T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần G, sinh ngày 12/10/2020 cho chị Trần H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần T, không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Trần H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001014 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.*

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường A, TXNN;
- Các đương sự;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**Đã ký**

**Đặng Thị Vàng**